

Ngày soạn : 22/8

TIẾT 17:

LUYỆN TẬP: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

- Nắm được khái niệm về phương châm hội thoại.
- Nhận diện được yêu cầu của 2 phương châm: lượng, chất.
- Phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất.
- Vận dụng được trong hoạt động giao tiếp.

B. Chuẩn bị

- HS: Ôn lại kiến thức cũ, chuẩn bị nháp.
- GV: Soạn bài, soạn Phiếu bài tập.

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1. **Ôn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số

2. **Kiểm tra bài cũ:** HS nhắc lại các phương châm hội thoại đã học.

3. **Bài mới:**

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Củng cố kiến thức		
1. Lập bảng ôn tập các phương châm hội thoại:		
Các PCHT	Khái niệm	Ví dụ
Lượng	- Khi giao tiếp cần nói có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng nhu cầu của cuộc giao tiếp, không thừa không thiếu.	An: -Cậu có biết bơi không? Ba: -Biết chứ, thậm chí còn bơi giỏi nữa. An: -Cậu học bơi ở đâu vậy? Ba: -Dĩ nhiên là ở dưới nước chứ còn ở đâu. * Phân tích: Khi An hỏi câu “Học bơi ở đâu?” mà Ba trả lời “ở dưới nước” thì câu trả lời của Ba không mang đầy đủ nội dung mà An cần biết, vì vậy ngay trong nghĩa của “bơi” đã có “ở dưới nước”. Trả lời như thế là vừa thừa, vừa thiếu, nội dung lời nói không đúng yêu cầu giao tiếp.
Chất	- Khi giao tiếp đừng nói điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.	- Ăn đơm, nói đặt: vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác. - Ăn ốc, nói mò: vu khống, bịa đặt. - Cãi chày, cãi cối: cố tranh cãi nhưng không có lí lẽ gì cả. - Khua môi múa mép: khoác lác, ba hoa, phô trương. - Nói dơi, nói chuột: nói lảng nhãng, linh tinh, không xác thực. - Hứa hươu, hứa vượn: hứa để được lòng rồi không

		thực hiện lời hứa,
Quan hệ	- Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.	- Ông nói gà bà nói vịt: mỗi người nói một đằng không ăn khớp nhau, không hiểu nhau. - Khách: “Nóng quá!” Chủ nhà: “Mất điện rồi”. Chủ nhà hiểu đó không phải một thông báo mà là một yêu cầu: “Làm ơn bật quạt lên!”. Nên mới đáp: “Mất điện rồi”.
Cách thức	- Khi giao tiếp cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.	Câu tục ngữ: + Ăn lên đọi, nói lên lời” →Khuyên người ta nói năng phải rõ ràng, rành mạch. + Dây cà ra dây muống: →Chỉ cách nói dai` dòng, rườm rà. + Luống buống như ngâm hạt thị: →Chỉ cách nói áp úng, không thành lời, không rành mạch.
Lịch sự	- Khi giao tiếp, cần chú ý đến sự tế nhị, khiêm tốn và tôn trọng người khác.	- Đạo này mày lười lắm. →Con đạo này không được chăm chỉ lắm! - Trong kho tàng tục ngữ ca dao VN có nhiều câu khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong cuộc sống và khuyên người ta nên dùng những lời lẽ lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp. - Tiếng chào cao mâm cỗ. Hoặc: “Lời chào cao hơn mâm cỗ”. - Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. - Kim vàng ai nỡ uốn câu Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

Hoạt động 2 : Hướng dẫn luyện tập

Bài tập 1 (HS TB)

- GV: Hướng dẫn HS thực hiện làm Bài tập 5 SGK.
- HS: Làm việc theo nhóm, thảo luận, trả lời bài tập.

II. Luyện tập:

Bài tập 1.(BT5 SGK)

- Ăn đơm nói đặt => vu khống, bịa đặt.
- Ăn ốc nói mò => nói vu vơ không có bằng chứng.

<p>- GV: Thống nhất các kết quả của HS.</p> <p>- HS: Chữa bài.</p> <p>Bài tập 2.</p> <p>- GV: Tổ chức cho HS làm bài tập.</p> <p>- HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời bài tập số 2. -> GV: Nhận xét, thống nhất.</p> <p>Bài tập 3.</p> <p>- GV: Cho HS làm bài tập 3.</p> <p>- HS tìm hiểu, trả lời bài tập số 3.</p> <p>- GV: Gọi HS lên bảng trình bày.</p> <p>- HS: Trình bày theo yêu cầu của GV.</p> <p>Bài tập 4</p> <p>- Yêu cầu 2-3 HS trình bày.</p> <p>- GV kết luận.</p>	<p>- <i>Ăn không nói có</i> => vu cáo bịa đặt.</p> <p>- <i>Cãi chày cãi cối</i> => ngoan cố không chịu thừa nhận sự thật đó có bằng chứng.</p> <p>- <i>Khoa môi múa mép</i>: ba hoa khoác lác.</p> <p>- <i>Nói nhăng nói cuội</i>: nói lãng nhăng, nhằm nhí.</p> <p>- <i>Nói hươu nói vượn</i>: hứa hẹn một cách vô trách nhiệm, có màu sắc của sự lừa đảo.</p> <p>=> Vi phạm phương châm về chất.</p> <p>Bài tập 2.</p> <p>Bài tập 3.</p> <p>Yêu cầu 2-3 HS trình bày.</p> <p>- GV kết luận.</p> <p><i>vi phạm phương châm về lượng.</i></p> <p>Bài tập 4.: Vi phạm phương châm về chất do thiếu hiểu biết.</p> <p>Bài 5: (SGK)Y/c: GT nghĩa của các thành ngữ.</p> <p>- Những thành ngữ đó liên quan đến phương châm hội thoại nào?</p> <p>+ <i>ăn đơm nói đặt</i>: vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác.</p> <p>+ <i>ăn ốc nói mò</i>: nói không có căn cứ.</p> <p>+ <i>ăn không nói có</i>: vu khống, bịa đặt.</p> <p>+ <i>cãi chày cãi cối</i>: cố tranh cãi nhưng không có lí lẽ gì cả.</p> <p>+ <i>Khoa môi múa mép</i>: nói năng ba hoa, khoác lác, phô trương.</p> <p>+ <i>nói dơi nói chuột</i>: nói lãng nhăng, linh tinh không xác thực.</p> <p>+ <i>hứa hươu hứa vượn</i>: hứa để được lòng rồi không thực hiện lời hứa.</p> <p>=> Các thành ngữ này đều chỉ những cách nói, nội dung nói không tuân thủ phương châm về chất. Các thành ngữ này chỉ những điều tối kị trong giao tiếp -> cần tránh.</p>
--	--

1. **Bài tập bổ sung**

BÀI 1: Cho đoạn thơ sau:

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
 Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
 Đỡ dằn bà dựng lại túp lều tranh
 Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh
 Bó ở chiến khu bó còn việc bó
 Mà có viết thư chớ kể này, kể nọ
 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên.”*

(?) Người bà trong đoạn thơ trên đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Qua đó, em hiểu được gì về tấm lòng bà?

GỢI Ý

- Người bà vi phạm phương châm về chất (bảo cháu nói khác so với thực tế cuộc sống của 2 bà cháu)
- Bởi vì: Bà muốn những người con ở chiến trường yên tâm công tác, còn bao khó khăn, vất vả bà âm thầm chịu đựng. Qua đó, ta thấy được tấm lòng vị tha, nhân hậu, giàu tình yêu thương của bà.

BÀI 2: Đọc câu chuyện sau, cho biết người bán vé máy bay đã vi phạm PCHT nào? Vì sao?

Hết bao lâu

Một bà già tới phòng bán vé máy bay hỏi:

- Xin làm ơn cho biết từ Anh tới Mỹ bay hết bao lâu?

Nhân viên đang bận đáp:

- 1 phút nhé.

- Xin cảm ơn!

Bà già đáp và đi ra.

(truyện cười Tây Ban Nha)

GỢI Ý

- Người bán vé vi phạm phương châm hội thoại cách thức (không nói rõ ràng): Một phút nhé! Ở đây là: Chờ tôi một phút nhé! (Vì đang bận nói điện thoại) chứ không phải thời gian bay đến Mỹ.=> Khiến bà già hiểu lầm

BÀI 3: Đọc câu chuyện “*Người ăn xin*” và viết đoạn văn khoảng 12 -15 câu nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của câu chuyện (gắn liền với PCHT Lịch sự).

Bài tập 2. Truyện vui sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào ? Vì sao ?

Trâu ăn ở đâu ?

Một cậu bé cho trâu ra đồng ăn cỏ. Một lúc sau, cậu ta chạy về nhà vừa khóc vừa mếu gọi bố :

- Bố ơi ! Trâu nhà ta ăn lúa bị người ta bắt mất rồi.

Ông bố vội hỏi :

- Khổ thật ! Thế trâu ăn ở đâu ?

Thằng bé đang mếu máo bỗng nhanh nhẩu :

- Dạ trâu ăn ở miệng ạ.

Ông bố đang tức giận vẫn phải bật cười.

C. Hướng dẫn về nhà:

- Nắm chắc kiến thức cơ bản của bài.

- Hướng dẫn và yêu cầu HS làm hoàn chỉnh bài tập

Ngày soạn: 26/8

Tiết 18+19 : Luyện tập cảm thụ văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương”

A. Mục tiêu cần đạt:

- Ôn tập lại các kiến thức văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”.
- Rèn kĩ năng cảm thụ văn học qua bài “Chuyện người con gái Nam Xương”.
- Luyện tập kiến thức lập dàn ý phân tích nhân vật trong văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”.

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

- Thầy: Soạn giáo án.
- Trò: Ôn tập

C. Tiến trình dạy và học:

HĐ của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>? Chuyện người con gái Nam Xương là một truyện ngắn rất thành công của tác giả Nguyễn Dữ. Dựa vào hiểu biết của em hãy giới thiệu về truyện ngắn đó?</p> <p>? Nêu nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương?</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS nêu, bổ sung - GV sửa chữa 	<p>I. Những kiến thức cơ bản:</p> <p>1. Tác giả: Nguyễn Dữ người huyện Trường Tân, nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Là người học rộng tài cao, sinh ra trong thời kì xã hội phong kiến khủng hoảng, ông sống ẩn dật như nhiều trí thức đương thời khác.</p> <p>2. Tóm tắt văn bản:</p> <p>3. Giá trị hiện thực và nhân đạo:</p> <p>a. Giá trị hiện thực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh hiện thực xã hội phong kiến bất công, trọng nam kinh nữ. - Phản ánh số phận chịu nhiều đau khổ oan trái của người phụ nữ. <p>b. Giá trị nhân đạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca ngợi phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam. - Tố cáo xã hội phong kiến bất công, trọng nam khinh nữ. - Thể hiện niềm thương cảm với người phụ nữ có số phận oan trái. <p>II. Luyện tập:</p> <p>1. Nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do lời nói ngây thơ của bé Đản chứa nhiều sự kiện đáng nghi ngờ. - Do Trương Sinh là người đa nghi, độc đoán. - Do cuộc hôn nhân có phần không bình đẳng giữa Vũ Nương và Trương Sinh. - Do chiến tranh chia cắt đôi vợ chồng trẻ. - Do xã hội phong kiến trọng nam kinh nữ, coi trọng uy quyền của kẻ giàu. <p>2. ý nghĩa của chi tiết chiếc bóng trên tường:</p>

<p>? Nêu ý nghĩa của chi tiết chiếc bóng trên tường? - 2 HS nêu, bổ sung - GV đánh giá, sửa chữa</p> <p>? Những chi tiết kì ảo trong câu chuyện? ? ý nghĩa của chi tiết kì ảo đó? - 3 HS nêu, bổ sung - GV đánh giá, sửa chữa</p>	<p>- Thể hiện những phẩm chsát cao đẹp của Vũ Nương là yêu chồng, muốn bù đắp cho con. - Chiếc bóng là chi tiết thắt nút,và cũng là chi tiết mở nút của câu chuyện (<i>dẫn đến nổi oan- giải oan cho VN</i>). - Tô cáo xã hội phong kiến bất công đã đẩy đến bi kịch của người phụ nữ. - Chi tiết chiếc bóng đã tạo tình huống cho câu chuyện bất ngờ, hấp dẫn, sâu sắc.</p> <p>3. a. Những chi tiết kì ảo trong câu chuyện? - Chuyện về Phan Lang. - Sự trở về của Vũ Nương.</p> <p>b. ý nghĩa của chi tiết kì ảo? - Hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương. - Kết thúc có phần có hậu, thể hiện ước mơ về sự công bằng của nhân dân. - Là bài học đắt giá cho Trương sinh. - Tô cáo xã hội phong kiến coi thường người phụ nữ. - Làm cho câu chuyện hấp dẫn, thu hút người đọc.</p>
<p>- GV nêu yêu cầu của đề và hướng dẫn cách phân tích nhân vật. - HS lập dàn ý phân tích - Đọc, bổ sung dàn ý - Gv sửa chữa</p>	<p>IV. Phân tích nhân vật: 1. Phân tích nhân vật Vũ Nương: a. Cách phân tích: - Xác định luận điểm -> Viết thành câu chủ đề. - Tìm luận cứ: nhận xét, đánh giá, nêu dẫn chứng, phân tích.</p> <p>b. Dàn ý : Luận điểm: Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nét nhưng có số phận vô cùng oan trái, đau khổ. * ý 1: Phân tích phẩm chất của Vũ Nương: - Luận điểm: Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nét, có phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ việt Nam. - Luận cứ (2 ý: đẹp người, đẹp nét): + Đẹp người: Vũ Nương rất xinh đẹp, nhan sắc, dáng vẻ rất duyên dáng, yêu kiều. chính vì mến dung hạnh của nàng mà Trương Sinh đã lấy nàng làm vợ. + Đẹp nét: Vũ Nương nét na, thùy mị yêu chồng, thương con, hiếu thảo với mẹ chồng. Đối với chồng: Vũ Nương là người vợ hiền, chung thủy, hết lòng yêu thương chồng. Khi chồng ở nhà, nàng giữ gìn khuôn phép. Khi chồng đi lính, nàng chỉ mong chồng bình yên. Khi xa chồng nàng hết lòng thương nhớ, chung thủy chờ đợi, thay chồng chăm sóc mẹ già. Đối với mẹ chồng: Nàng là người con dâu hiếu thảo, hết lòng chăm sóc mẹ chồng, khi bà ốm nàng hầu hạ thuốc thang, khi bà mất nàng lo ma chay tế lễ chu toàn như lo cho cha mẹ đẻ của mình.</p>

<p>- Gv hướng dẫn HS tìm ý để phân tích nhân vật Trương Sinh</p> <p>- HS tìm ý phân tích</p> <p>- GV chốt</p> <p>- Gv hướng dẫn HS viết đoạn</p> <p>- HS viết, đọc, sửa</p> <p>- GV sửa chữa</p>	<p>Đối với con: Vũ Nương là người mẹ hiền, hết lòng thương yêu, bù đắp cho con.</p> <p>=> Vũ Nương là người phụ nữ vừa đẹp người lại đẹp nét. Nàng coi trọng hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng hơn mọi vinh hoa phú quý. Mỗi lời nói, cử chỉ của nàng đều thể hiện lòng hiếu thảo với mẹ chồng, sự chung thủy với chồng và tình yêu thương con sâu sắc.</p> <p>* ý 2: Phân tích cuộc đời của Vũ Nương:</p> <p>- Luận điểm: Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nét nhưng có số phận vô cùng oan nghiệt, cay đắng.</p> <p>- Luận cứ:</p> <p>+ Vũ Nương hết lòng hiếu thảo, yêu chồng, thương con, chung thủy chờ đợi chồng, vậy mà khi Trương Sinh trở về nàng lại bị chồng nghi ngờ là không chung thủy. Chẳng có nỗi oan nào đau xót hơn.</p> <p>+ Càng đau đớn hơn là khi nàng hết lời phân trần, giải thích thì Trương Sinh càng không tin và đánh đuổi nàng đi.</p> <p>+ Đau đớn tuyệt vọng, bị đẩy đến bước đường cùng, Vũ Nương đã chọn cái chết để bảo toàn danh dự và nhân phẩm.</p> <p>+ Số phận nàng vô cùng oan trái và đầy bi kịch.</p> <p>+ Bi kịch của Vũ Nương đã tố cáo xã hội phong kiến trọng nam, khinh nữ, coi trọng uy quyền của những kẻ giàu có.</p> <p>2. Phân tích nhân vật Trương Sinh:</p> <p>- Là con nhà hào phú nhưng không có học.</p> <p>- Là người có tính đa nghi, với vợ phòng ngừa quá sức. Nghe con nói định ninh là vợ hư.</p> <p>- Cư xử hồ đồ, độc đoán:</p> <p>+ Không nghe vợ giải thích, không nói ra duyên cớ nghi ngờ để vợ có cơ hội minh oan.</p> <p>+ Họ hàng, làng xóm bênh vực, biện bạch cho nàng nhưng cũng không tin.</p> <p>- Là người chồng vũ phu: La um lên, mắng nhiếc, đánh đuổi vợ đi.</p> <p>- Sau khi vợ đã tự tử chết. Biết rõ sự tình nhưng chuyện đã rồi.</p> <p>- Nghe lời kể của Phan Lang, nhận ra chiếc hoa vàng của vợ. Chàng lập đàn tràng ba ngày đêm. Thấy vợ hiện về chốc lát rồi biến đi mất.</p>
---	---

D. Dặn dò:

- Hoàn thành bài tập trên vào vở bài tập.
- Chuẩn bị *Luyện đề văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương ”*

Ngày soạn: 27/8

Tiết 20 : Luyện đề văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương”

A. Mục tiêu tiết học:

- Giúp học sinh củng cố và nắm vững hơn về VB “ Chuyện người con gái Nam Xương”
- Kỹ năng: Rèn kỹ năng phân tích đề và luyện đề.
- Tích hợp: Văn bản nhật dụng, Tiếng Việt, viết đoạn văn

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

- Thầy: Đọc tư liệu, soạn giáo án
- Trò: Ôn tập lại kiến thức.

C. Tiến trình lên lớp:

* Hoạt động 1: Khởi động

1. Ổn định lớp:
2. Bài mới: Giáo viên giới thiệu

* Hoạt động 2: Luyện đề

Hđ của GV và HS	Nội dung kiến thức.
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giao đề - GV: hướng dẫn HS làm bài - HS làm bài - GV: HD HS chấm chéo - HS: Chấm bài theo HD của giáo viên - GV: nhận xét, đánh giá 	<p><u>Đề 1</u> Cho đoạn văn sau: <i>- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chũr bình yên, thế là đủ rồi. [...]</i> <i>Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.</i></p> <p>Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào, của ai? Giới thiệu hiểu biết của em về văn bản đó (Khoảng nửa trang giấy thi)</p> <p>Câu 2. Đoạn trích trên là lời của nhân vật nào, trong hoàn cảnh nào? Lời nói đó đã thể hiện những phẩm chất gì của nhân vật ấy?</p> <p>Câu 3. Tìm trong đoạn trích một câu ghép, 2 từ Hán Việt.</p> <p>Câu 4. Qua đoạn trích và bằng những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận quy nạp, trong đó có sử dụng câu cảm thán và lời dẫn trực tiếp để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật đó</p> <p><u>Đề 2</u> Cho đoạn văn sau: <i>- Thiếp là con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum</i></p>

<p>- Giáo viên giao đề - GV: hướng dẫn HS làm bài - HS làm bài</p> <p>-GV: HD HS trình bày, và tự đánh giá bài của mình . - HS : trình bày , nhận xét, đánh giá.</p>	<p><i>hộp chưa thỏ tỡnh chẵn gói, chia phôi vỡ động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gờn một tiết. Tụ son điểm phấn từng đó nguụi lũng, ngừ liễu tường hoa chưa hề bẻn gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cỏi mới nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp</i></p> <p>Câu 1. Đoạn trích trên là lời của Vũ Nương nói với ai, trong hoàn cảnh nào? Phân tích ý nghĩa của lời nói đó.</p> <p>Câu 2. Viết lại một câu phủ định, một câu cầu khiến có trong đoạn trích.</p> <p>Câu 3. Phân tích nguyên nhân nỗi oan của Vũ Nương.</p> <p>Câu 4. Qua bi kịch của Vũ Nương và bằng những hiểu biết của mình, em hãy viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi để trình bày suy nghĩ của em về số phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.</p>
--	--

*** Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò**

- Giáo viên khái quát lại bài.

- Dặn dò : + Về học và hoàn chỉnh lại 2 đề.

+ Chuẩn bị: *Luyện tập cảm thụ văn bản “ Hoàng Lê nhất thống chí”*

Ngày soạn: 1/9

Tiết 21, 22 : Luyện tập cảm thụ văn bản
“ Hoàng Lê nhất thống chí”
 - Hồi thứ mười bốn-

A. Mục tiêu cần đạt:

- Ôn tập lại các kiến thức văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí”.
- Rèn kĩ năng cảm thụ văn học qua bài “Hoàng Lê nhất thống chí”.

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

- Thầy: Soạn giáo án.
- Trò: Ôn tập

C. Tiến trình dạy và học:

HĐ của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>? Đoạn trích trong Hoàng Lê nhất thống chí là một văn bản rất thành công của tác giả Nguyễn Dữ. Dựa vào hiểu biết của em hãy giới thiệu về văn bản đó?</p> <p>? Tóm tắt ngắn gọn VB?</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS tóm tắt VB - GV uốn nắn, sửa chữa <p>- GV đưa ra câu hỏi</p> <p>- HS trả lời, bổ sung</p> <p>- GV sửa chữa, kết lại</p>	<p>I. Những kiến thức cơ bản:</p> <p>1. Tác giả: Ngô gia văn phái(Nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du. <p>2. Thể loại: Tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.</p> <p>3. Cấu trúc của tác phẩm: Gồm 17 hồi.</p> <p>4. Xuất xứ: Trích hồi thứ 14 của tác phẩm " Hoàng Lê nhất thống chí" (Ghi chép về việc thống nhất của vương triều nhà Lê)</p> <p>5. Tóm tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Quân Thanh xâm lược, Nguyễn Huệ Lên Ngôi cầm quân đánh giặc - Cuộc chiến diệt quân Thanh: <ul style="list-style-type: none"> + Ngày 25 tháng chạp. Xuất quân từ Phù xuân- Huế. + Ngày 29 đến nghệ An: Tuyển quân, duyệt binh, ra lời phủ dụ + Ra đến núi Tam Điệp ăn tết, xử trí các tướng, ngày 30 chia quân làm 5 đạo. + Bắt sống địch ở sông Gián. + Ngày mùng 3 tết bao vây, thủ dụ địch ở đồn Hà Hồi. + Sáng mùng 5 tết tiến đánh đồn Ngọc Hồi. + Trưa mùng 5 chiến thắng và tiến vào Thăng Long - Số phận của quân tướng nhà thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống... <p>II. Câu hỏi nhỏ:</p> <p>1. Tại sao các tác giả Ngô Gia Văn Phái vẫn là Trung thần của nhà Lê mà lại viết rất hay về người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ?</p> <p style="text-align: center;">TL:- Vì các tác giả Ngô Gia Văn Phái tôn trọng sự thật lịch sử và có ý thức dân tộc.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ra câu hỏi - HS trả lời, bổ sung - GV sửa chữa, kết lại 	<p>- Họ nhận thấy sự thật là vua Lê hèn yếu, công rần, cần gà nhà. Còn Quang Trung -Nguyễn Huệ đã làm nên những chiến công lừng lẫy, là niềm tự hào của dân tộc</p> <p>= > Bởi vậy, các tác giả Ngô Gia Văn Phái đã thoát khỏi ý tưởng trung quân mù quáng để viết rất hay về người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Gv đưa ra câu hỏi - HS nhận xét - Gv chốt 	<p>2. Phân tích lời thủ dụ của Quang Trung trong lễ duyệt binh ở Nghệ An (5 ý):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định chủ quyền dt" Trong vũ trụ đất nào sao ấy..." - Tố các tội ác và dã tâm của giặc" Chúng mấy phen cướp bóc nước ta , giết hại nhân dân, vợ vệt của cải. - Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc với các vị anh hùng chống giặc (<i>Trung Nữ Vương, Đinh tiên hoàng, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ...</i>) - Kêu gọi các tướng sĩ đồng tâm đánh giặc để lập công lớn. - Ra kỉ luật nghiêm minh" Ai mà ăn ở hai lòng sẽ bị giết ngay lập tức không tha". <p>=> Lời thủ dụ ngắn gọn, sâu sắc, giàu ý nghĩa, nó khích lệ lòng yêu nước và quyết tâm chống giặc ngoại xâm.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Gv đưa ra câu hỏi - HS nhận xét - Gv chốt 	<p>3. Nhận xét và số phận quân tướng nhà Thanh?</p> <ul style="list-style-type: none"> * Luận điểm: quân tướng nhà Thanh đại bại. * Luận cứ: - Tướng: Tôn sĩ Nghị sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, chuồn qua cầu phao về nước. + Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, chết một cách thảm hại. - Quân: Bị bắt sống, xin đầu hàng, giày xéo lên nhau mà chết, máu chảy thành suối, tắc sông Nhị Hà. <p>=> Với nhịp điệu nhanh, giọng điệu hả hê, tác giả Ngô Gia Văn Phái đã phản ánh được số phận đại bại của quân tướng nhà Thanh.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Gv đưa ra câu hỏi - HS nhận xét - Gv chốt 	<p>4. Số phận của vua tôi Lê Chiêu Thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Luận điểm: Tác giả Ngô Gia Văn Phái đã cho thấy số phận thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống. * Luận cứ: <ul style="list-style-type: none"> - Gấp rút bỏ chạy, cướp thuyền đánh cá chạy ra sông, mấy ngày không ăn, không nghỉ. - Khi đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị chỉ biết nhìn nhau than thở.

D. Dặn dò: Hoàn thành bài tập trên vào vở bài tập.

- Chuẩn bị Luyện tập cảm thụ văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí” (tiếp).

Ngày soạn: 3/9

Tiết 23 : Luyện đề văn bản “ Hoàng Lê nhất thống chí”

A. Mục tiêu cần đạt:

- Ôn tập lại các kiến thức văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí”.
- Rèn kĩ năng cảm thụ văn học qua bài “Hoàng Lê nhất thống chí”.

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

- Thầy: Soạn giáo án.
- Trò: Ôn tập

C. Tiến trình dạy và học:

HD của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giao đề - GV: hướng dẫn HS làm bài - HS làm bài 	<p>Đề 2</p> <p>Cho đoạn văn sau: <i>"Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được..."</i></p> <p>Câu 1:. Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào? Lời nói đó đã thể hiện những phẩm chất nào của nhân vật ấy?</p> <p>Câu 2: Tìm trong đoạn văn một câu phủ định, 2 từ Hán Việt, một cụm động từ và một phép liên kết.</p> <p>Câu 3: Trong văn bản, số phận thảm bại của quân tướng nhà Thanh được miêu tả như thế nào? Ngòi bút của tác giả khi miêu tả hai cuộc tháo chạy của quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác biệt ? Hãy giải thích vì sao có sự khác biệt đó ?</p> <p>Câu 4: Trong tác phẩm, lời phủ dụ của nhân vật đó với các binh sĩ được truyền ở đâu? Nêu nội dung và tác dụng của lời phủ dụ đó.</p>

D. Dặn dò: - Hoàn thành bài tập.

- Chuẩn bị: Ôn tập về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

Ngày soạn: 6/9

Tiết 24: Ôn tập về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

A. Mục tiêu cần đạt:

- Ôn tập lại các kiến thức về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- Rèn kỹ năng tìm và sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

- Thầy: Soạn giáo án.
- Trò: Ôn tập

C. Tiến trình dạy và học:

HĐ của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>? Nêu hiểu biết về các cách dẫn?</p> <p>-HS nêu, HS khác bổ sung</p> <p>- GV đánh giá, sửachữa</p>	<p>I. Nội dung kiến thức cần đạt</p> <p>1. Cách dẫn trực tiếp</p> <p>- Là trích dẫn nguyên văn từ ngữ hoặc câu văn, đoạn văn của người khác một cách nguyên vẹn không thêm bớt.</p> <p>- Khi dẫn trực tiếp, cần đặt phần được dẫn trong dấu ngoặc kép.</p> <p>VD: Bảy giờ, bà mẹ mới vui lòng nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được đây”.</p> <p>2. Cách dẫn gián tiếp</p> <p>- Là nhắc lại lời hay ý của người hay nhân vật theo kiểu thuật lại, không giữ nguyên văn.</p> <p>- Khi dẫn gián tiếp, ta có thể và cần thay đổi một số từ ngữ từ xưng hô, từ chỉ thời gian, địa điểm.</p> <p>VD: Bảy giờ bà mẹ mới vui lòng nói rằng đây là chỗ con bà ở được.</p> <p>II. Bài tập</p> <p>1. Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau sang lời dẫn gián tiếp:</p> <p>a. Nhân vật ông giáo trong truyện “Lão Hạc” thề hứa sẽ nói với người con trai của Lão Hạc rằng: “Đây là cái vòn ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào”.</p> <p>b. Chiều hôm qua Hoàng tâm sự với tôi: “Hôm nay mình phải cố chạy cho đủ tiền để gửi cho con”.</p> <p>c. Nam đã hứa với tôi nh định đóng cột: “Tối mai</p>

	<p>tôi sẽ gặp các bạn ở bên Nhà Rông”.</p> <p>2. Nhận định nào nói đầy đủ nhất dấu hiệu để nhận ra lời nói của nhân vật được dẫn ra trong các tác phẩm văn xuôi?</p> <p>A. Thường được viết tách ra như kiểu viết đoạn văn B. Có thêm dấu gạch ngang ở đầu lời nói C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai.</p> <p>3. Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau đây thành lời dẫn gián tiếp có thay đổi cấu trúc ngữ pháp nhưng nội dung cơ bản và nghĩa biểu hiện không thay đổi:</p> <p>a. Trong báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.</p> <p>b. Trong bài “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn đã khẳng định: “Từ xa các bậc trung thần nghĩa sĩ đã bỏ mình vì nước đời nào không có!”.</p>
<p>-HS nhận xét, HS khác bổ sung - GV đánh giá, sửa chữa</p> <p>- HSchuyển thành đoạn văn tự sự - GV đánh giá, sửa chữa</p>	<p>4. Hãy nhận xét về các lời dẫn trực tiếp sau đây:</p> <p>a. Tôi sẽ gặp cô ấy và nói : Tôi không thể chịu nổi nữa rồi, sau muốn ra sao thì ra:”</p> <p>b. “Tôi sẽ đi và sẽ đi mãi mãi” - Đã có lần tôi phải nói như vậy vì không nói khác được.</p> <p>5. Hãy chuyển đoạn hội thoại sau thành một đoạn văn kể chuyện:</p> <p>“ Sinh dỗ dành: - Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mát lòng cha buồn khổ lắm rồi. Đứa con ngây thơ nói: - Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi tróc kia chỉ nín thìn thít. Chàng ngạc nhiên gạn hỏi, đứa con nhỏ nói: - Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.</p> <p>3. Viết đoạn hội thoại khoảng 6 lượt lời: Trong đó có sử dụng lời dân trực tiếp. Sau đó chuyển đổi sang đoạn văn có sử dụng lời dân gián tiếp.</p>

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- HS viết, đọc- HS khác bổ sung- GV đánh giá, sửa chữa | <p>4. Viết đoạn trình bày cảm nhận của em về tình cảm của Vũ Nương với chồng trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp. Sau đó chuyển đổi sang đoạn văn có sử dụng lời dẫn gián tiếp.</p> |
|--|--|

D. Dặn dò: Chuẩn bị : Luyện tập cảm thụ văn bản “ Chị em Thuý Kiều”.
